

Bản án số: 06 /2021/HNGĐ-ST
Ngày : 20/7/2021
Về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung
và giải quyết nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HOÀ BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán chủ tọa phiên toà:* Ông Xa Kỳ Tiến
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Trọng Huệ và bà Phạm Thị Dân
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà Đào Thị Thanh Huyền
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình tham gia phiên toà:* Ông Đinh Trọng Kiên - *Kiểm sát viên.*

Ngày 20 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đà Bắc.

Mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 78/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2020 về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung và giải quyết nợ chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021 và các quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/4/2021, số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/5/2021, số 09/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 04/6/2021 và số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/7/2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Triệu Thị Ng, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Xóm T, xã C, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Bàn Văn U, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Xóm T, xã Cao S, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Quynh, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

4. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, do ông Nguyễn Đình Hoàng - Phó Giám đốc Phòng giao dịch huyện Đà Bắc làm đại diện theo ủy quyền. Có đơn xin vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1970

Địa chỉ: Xóm L, xã C, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Có đơn xin vắng mặt

- Anh Nguyễn Văn V (Đặng Xuân V), sinh năm 1969

Địa chỉ: Xóm S, xã C, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung khởi kiện, bản tự khai và phần trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn thì: Chị Triệu Thị Ng và anh Bàn Văn U kết hôn với nhau năm 2000, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình, hôn nhân do hai bên tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau, nhưng đến đầu năm 2001 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh U thường hay uống rượu say rồi chửi bới, đánh đập chị Ng rất nhiều lần. Mặc dù đã được đưa ra xóm hòa giải nhưng anh U vẫn không thay đổi. Nay thấy tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị Ng yêu cầu được ly hôn anh U.

Về con chung: Vợ chồng chị Ng, anh U có hai con chung là Bàn Văn D, sinh ngày 31/7/2001, và Bàn Quốc Kh, sinh ngày 02/9/2008. Nguyên vọng của chị Ng là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Quốc Kh cho đến khi trưởng thành, chị Ng chưa yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Ng chưa yêu cầu giải quyết.

Về công nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam 42.000.000đ tiền gốc, nợ chị Nguyễn Thị H 5,5 chỉ vàng 9999, nợ anh Nguyễn Văn V (Đặng Xuân V) 17.585.000đ. Chị Ng nhận trách nhiệm trả số nợ trên.

Tại phiên tòa, chị Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Về phía bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ theo quy định của luật tố tụng dân sự Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh U vắng mặt không có lý do nên ban đầu không có lời khai tại Tòa án và không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Ngày 09/4/2021, anh U có bản tự khai trình bày ý kiến thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và bản thân có hành vi bạo lực đối với chị Ng, tuy nhiên anh U không đồng ý ly hôn, mong chị Ng cho anh cơ hội để vợ chồng hàn gắn, quay về đoàn tụ, đồng thời đưa ra tình tiết vợ chồng có nợ chị Nguyễn Thị H 5,5 chỉ vàng 9999, nợ anh Nguyễn Văn V (Đặng Xuân V) 17.585.000đ và nợ anh Nguyễn Văn Phong (Phong Hàn) 40.000.000đ. Nếu ly hôn, anh U đề nghị được trực tiếp nuôi con, về tài sản chung tự thỏa thuận.

- Ý kiến của trợ giúp viên pháp lý: Vợ chồng chị Ng, anh U tự nguyện kết hôn với nhau, có làm thủ tục đăng ký đúng quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh U hay uống rượu say rồi chửi bới, đánh đập vợ. Qua xác minh thấy tình trạng hôn nhân như chị Ng trình bày là đúng, yêu cầu của chị Ng là có căn cứ. Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Ng. Về con chung: Do anh U không có mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đề nghị giao con chung là Bàn Quốc Kh cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chị Ng chưa yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con. Về công nợ chung: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Ng và các đương sự theo biên bản thỏa thuận ngày 07/5/2021, chị Ng có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng CSXH Việt Nam, chị H và anh V. Về tài sản chung : Chị Ng chưa yêu cầu giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Ngân hàng CSXH Việt Nam, Phòng giao dịch ngân hàng CSXH huyện Đà Bắc: Tại biên bản hòa giải ngày 07/5/2021, đại diện Ngân

hàng chính sách xã hội Việt Nam đồng ý với ý kiến của chị Ng khi nhận trách nhiệm trả nợ đối với số tiền nợ gốc là 42.000.000đ và lãi phát sinh cho ngân hàng theo quy định.

- Ý kiến của chị Nguyễn Thị H: Tại biên bản hòa giải ngày 07/5/2021, chị H đồng ý để chị Ng nhận trách nhiệm trả số nợ 5,5 chỉ vàng SJC 9999, thời hạn trả cuối cùng là ngày 31/12/2021.

- Ý kiến của anh Nguyễn Văn V: Tại biên bản hòa giải ngày 07/5/2021, anh V đồng ý để chị Ng nhận trách nhiệm trả số nợ 17.585.000đ, thời hạn trả cuối cùng là ngày 31/12/2021.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết, Tòa án thực hiện việc tổng đạt các giấy tờ, tài liệu và niêm yết công khai chưa thực hiện đúng theo quy định của BLTT Dân sự. Tuy nhiên bị đơn vẫn biết được các thông tin nhưng không hợp tác. Tại phiên tòa, trong phần hỏi, Chủ tọa phiên tòa tiến hành hỏi chưa đúng về thứ tự theo quy định tại Điều 249 của Bộ luật tố tụng. Do đó cần kiến nghị để khắc phục trong thời gian tới.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật TTDS; bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Xét đơn yêu cầu ly hôn của chị Triệu Thị Ng là có căn cứ theo các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung của chị Ng, giao con chung là Bàn Quốc Kh cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chị Ng chưa yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung. Anh U có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện trả nợ chung của chị Ng đối với khoản vay của Ngân hàng CSXX Việt nam khi đến hạn trả và các khoản nợ với chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn V. Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 31/12/2021.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Chị Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung, là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại xã C, huyện Đ, tỉnh Hòa Bình. Do đó Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS.

Về quyền, nghĩa vụ: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật TTDS.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa án, do đó ban đầu không có lời khai và Tòa án không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các tài liệu, giấy tờ theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70,72 của Bộ luật TTDS nên phải chịu hậu quả của việc không giao nộp chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình được quy định tại các Điều 91, 96 của Bộ luật TTDS.

Do ngày 09/4/2021, anh Bàn Văn U có đến Tòa án và viết bản tự khai, đưa ra tình tiết mới mà chị Ng không đề cập đến trong đơn khởi kiện và bản tự khai, đó là công nợ chung của vợ chồng đối với chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn V và anh Nguyễn Văn Ph nên Tòa án đã bổ sung người tham gia tố tụng và tiến hành thủ tục tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp ngày 07/5/2021 có mặt đại diện Ngân hàng CSXH Việt Nam, chị H và anh V, Tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng của họ là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Do anh Nguyễn Văn Ph không có yêu cầu và từ chối tham gia tố tụng nên Tòa án không đưa anh Ph vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật TTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Ng và anh Bàn Văn U tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cao Sơn, huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình từ năm 2000. Do đó hôn nhân của chị Ng, anh U là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc trong năm đầu, năm sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh U thường hay uống rượu say rồi chửi bới, đánh đập chị Ng rất nhiều lần. Mặc dù đã được đưa ra xóm hòa giải nhưng anh U vẫn chứng nào tật ấy, không thay đổi. Qua xác minh thấy rằng vợ chồng chị Ng, anh U có mâu thuẫn đã lâu, tình trạng hôn nhân như chị Ng đã trình bày là có căn cứ. Chị Ng khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn, anh U không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn tình cảm yêu thương đối với chị Ng và mong muốn chị Ng cho anh một cơ hội để vợ chồng hàn gắn quay về đoàn tụ. Chị Ng đưa ra quan điểm cho rằng anh U đã rất nhiều lần hứa hẹn thay đổi nhưng đều không thực hiện được, chị đã không còn tình cảm, không còn niềm tin đối với anh U nên chị không đồng ý quay về đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy chị Ng không còn tình cảm với anh U, anh U nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Triệu Thị Ng đối với anh Bàn Văn U là có căn cứ theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Ng, anh U có hai con chung là Bàn Văn D, đã trưởng thành, và Bàn Quốc Kh, sinh ngày 02/9/2008. Nguyên vọng của chị Ng là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Quốc Kh cho đến khi trưởng thành, chị Ng chưa yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù nguyện vọng của cháu Bàn Quốc

Kh là được sống chung với bố và anh U có yêu cầu được nuôi con chung, nhưng do anh U không có mặt tại phiên tòa, không thể hiện được ý kiến, căn cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Mặt khác, chị Ng chứng minh bản thân có thu nhập ổn định và có nơi cư trú, do đó yêu cầu của chị Ng được được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Quốc Kh là phù hợp với điều kiện thực tế và có căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Ng chưa yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về công nợ chung: Tại phiên họp ngày 07/5/2021, các đương sự đã có sự thỏa thuận về việc chị Ng nhận trách nhiệm trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng) tiền gốc và lãi phát sinh cho đến khi hoàn thành việc trả nợ; trả nợ chị Nguyễn Thị H 5,5 chỉ vàng 9999, hạn cuối cùng là ngày 31/ 12/2021, trả nợ anh Nguyễn Văn V 17.585.000đ (mười bảy triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng), hạn cuối cùng là ngày 31/12/2021. Tại phiên tòa, chị Ng không có ý kiến thay đổi, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt cũng không có ý kiến bằng văn bản xin thay đổi sự thỏa thuận đó. Xét thấy sự thỏa thuận đó là tự nguyện, không phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cần ghi nhận.

[6] Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Triệu Thị Ng đối với anh Bàn Văn U. Xử cho chị Triệu Thị Ng được ly hôn anh Bàn Văn U.

Về con chung: Giao con chung là Bàn Quốc Kh, sinh ngày 02/9/2008 cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Bàn Quốc Kh đủ 18 tuổi hoặc khi có quy định khác của pháp luật, chị Ng chưa yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung, anh U có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có thay đổi, chị Ng và anh U có quyền yêu cầu cấp dưỡng hoặc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Về nợ chung:

- Ghi nhận thỏa thuận về sự tự nguyện trả nợ của chị Triệu Thị Ng với Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc 42.000.000đ (bốn mươi hai triệu đồng) và lãi phát sinh theo quy định cho đến khi hoàn thành việc trả nợ.

- Ghi nhận thỏa thuận về sự tự nguyện trả nợ của chị Triệu Thị Ng với chị Nguyễn Thị H số nợ là 5,5 (năm phẩy năm) chỉ vàng SJC 9999, trả bằng vàng hoặc quy ra giá trị bằng tiền tại thời điểm trả, hạn cuối cùng là ngày 31/12/2021.

- Ghi nhận thỏa thuận về sự tự nguyện trả nợ của chị Triệu Thị Ng với anh Nguyễn Văn V (Đặng Xuân V) số tiền 17.585.000đ (mười bảy triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng), hạn cuối cùng là ngày 31/12/2021.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Ng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì phải chịu lãi đối

với số tiền chậm trả. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm trên khoản tiền có nghĩa vụ chi trả. Nếu các bên không có thỏa thuận thì lãi suất chậm trả bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Triệu Thị Ng phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0001228 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. Chị Ng đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Đà Bắc;
- Chi cục THADS Đà Bắc;
- Các đương sự;
- UBND xã Cao Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Xa Kỳ Tiến.

